

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 03/2025/DS-ST

Ngày: 12-03-2025

V/v: “Tranh chấp kiện đòi tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC - TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Yên;

Ông Lưu Xuân Tiến.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đoàn Minh Toàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Là - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 39/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Trọng Q, sinh năm 1989; Địa chỉ thường trú: Đ V, xã N, huyện P, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: P Tòa H L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Trọng Q: Anh Vũ Văn T - Luật sư, Công ty L; Địa chỉ: số F T, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội. (Văn bản ủy quyền ngày 25/6/2024 và ngày 09/01/2025).

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T1, sinh năm 1998; Địa chỉ: xóm E (Thôn Đ), xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa có mặt anh T1, anh T; vắng mặt anh Q đã ủy quyền cho anh T);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/7/2024, bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Lê Trọng Q và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do anh Lê Trọng Q và anh Nguyễn Đình T1 có mối quan hệ bạn bè và là đồng nghiệp với nhau nên từ tháng 4 năm 2022 anh T1 có thực hiện công việc chạy quảng cáo/maketing theo yêu cầu của anh Q. Theo đó anh T1 có trách nhiệm thông báo chi phí và nhận tiền trước khi thực hiện công việc chạy quảng cáo/maketing và anh Q sẽ chi trả chi phí này. Từ tháng 4/2022 đến hết tháng 8/2023 anh T1 đã nhận của anh Q tổng số tiền là 518.837.734 đồng và đã thực hiện công việc chạy quảng cáo/maketing như đã thông báo với anh. Đến khoảng tháng 9-10/2023 nhận thấy các số liệu chưa đồng nhất với số tiền mà anh đã chuyển cho anh T1. Ngày 09/10/2023 sau khi anh và anh T1 kiểm tra lại các nội dung giao dịch và các chứng từ liên quan thì có một số khoản tiền anh T1 chỉ để thực hiện công việc không đúng thực tế. Sau đó giữa anh và anh T1 đã lập biên bản xác nhận anh T1 đã thực hiện công việc chạy quảng cáo/maketing cho anh và đã chi tiêu số tiền thực tế là 391.332.249 đồng. Số tiền còn lại 127.505.485 đồng anh T1 xác nhận đã chi tiêu mục đích cá nhân của anh T1. Có biên bản xác nhận của anh T1 đề ngày 09/10/2023 do anh T1 công nhận và ký tại Công ty L và anh T1 hứa sẽ có trách nhiệm trả cho anh trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 09/10/2023. Tuy nhiên đến nay anh T1 không thực hiện như cam kết, anh đã nhiều lần tìm anh T1 để yêu cầu trả nhưng anh T1 không trả. Nay anh làm đơn khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Đình T1 phải trả lại cho anh số tiền 127.505.485 đồng và bồi thường số tiền thiệt hại là lãi suất đối với số tiền 127.505.485 đồng trong thời gian anh T1 chiếm giữ.

Tại buổi hòa giải ngày 22/11/2024 giữa anh T là người đại diện theo ủy quyền của anh Q và anh T1 đã đưa ra phương án thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án và thống nhất thỏa thuận: Anh T1 phải trả cho anh Q số tiền 50.000.000 đồng và sẽ trả số tiền 50.000.000 đồng trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày 22/11/2024. Trả theo số tài khoản tại Ngân hàng A là 897968888, chủ tài khoản là Lê Trọng Q. Anh T1 nhất trí.

Tuy nhiên, sau khi thỏa thuận hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày 22/11/2024 anh T1 đã không thực hiện đúng theo thỏa thuận nên anh Q đã có đơn đề nghị thay đổi thỏa thuận và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như ban đầu yêu cầu anh T1 phải trả lại cho anh Q số tiền 127.505.485 đồng, trừ số tiền gốc anh T1 đã trả là 50.000.000 đồng và yêu cầu anh T1 phải bồi thường số tiền thiệt hại là lãi suất đối với số tiền 127.505.485 đồng trong thời gian anh T1 chiếm giữ. Ngày 15/01/2025 và ngày 25/02/2025 anh Q yêu cầu anh T1 phải trả lại cho anh Q số tiền 127.505.485 đồng, trừ số tiền gốc anh T1 đã trả là 50.000.000 đồng, nay yêu cầu

anh T1 phải trả số tiền còn lại là 77.505.485 đồng. Không yêu cầu anh T1 phải bồi thường số tiền thiệt hại là lãi suất đối với số tiền 127.505.485 đồng trong thời gian anh T1 chiếm giữ.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Đình T1 trình bày:

Anh T1 công nhận giữa anh và anh Q làm cùng công ty, anh có thực hiện công việc chạy quảng cáo/marketing cho anh Q và có nhận của anh Q tổng số tiền là 518.837.734 đồng và đã thực hiện công việc chạy quảng cáo/marketing mà anh Q đưa và đã chi tiêu số tiền thực tế là 391.332.249 đồng còn số tiền anh có thực hiện một số công việc nhưng anh chưa tìm ra là 127.505.485 đồng. Anh T1 công nhận biên bản xác nhận của anh đề ngày 09/10/2023 do anh ký tên tại Công ty L là đúng và hứa sẽ có trách nhiệm trả cho anh Q số tiền 127.505.485 đồng trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 09/10/2023. Tuy nhiên, sau khi có bản xác nhận ngày 09/10/2023 thì anh và anh Q có thống nhất và công nhận lại với nhau hiện nay anh đã trả cho anh Q được một khoản tiền là 77.505.485 đồng. Nay số tiền còn lại 50.000.000 đồng của anh Q mà anh chưa tìm ra dữ liệu tài khoản quảng cáo, anh T1 nhận trách nhiệm sẽ trả cho anh Q số tiền 50.000.000 đồng này.

Tại buổi hòa giải ngày 22/11/2024 giữa anh T là người đại diện theo ủy quyền của anh Q và anh đã đưa ra phương án thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án và thống nhất anh phải trả cho anh Q số tiền 50.000.000 đồng và trả trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày 22/11/2024. Trả theo số tài khoản tại Ngân hàng A là 897968888, chủ tài khoản là Lê Trọng Q. Sau khi hòa giải anh T1 đã chuyển khoản trả anh Q số tiền 50.000.000 đồng nhưng gửi chậm 2-3 ngày so với thỏa thuận do anh phải lo vay tiền người thân. Nay anh Q thay đổi thỏa thuận và yêu cầu anh phải trả lại cho anh Q số tiền 127.505.485 đồng và bồi thường số tiền thiệt hại là lãi suất đối với số tiền 127.505.485 đồng anh T1 không nhất trí, anh T1 yêu cầu anh Q và phía công ty cho anh được vào lại hệ thống dữ liệu của công ty để anh tìm lại số liệu và bằng chứng anh đã trả đủ số tiền trên cho anh Q. Anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật đảm bảo quyền lợi cho anh.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu là yêu cầu anh T1 phải trả cho anh Q số tiền còn lại là 77.505.485 đồng.

Bị đơn không nhất trí yêu cầu của nguyên đơn nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Nam Trực thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử cũng như của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và diễn biến tại phiên, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 166; 466; 470 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự:

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Trọng Q kiện đòi tài sản đối với anh Nguyễn Đình T1 là hợp pháp.

Buộc anh Nguyễn Đình T1 phải có nghĩa vụ trả cho anh Lê Trọng Q số tiền 77.505.485 đồng (bảy mươi bảy triệu, năm trăm linh năm nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng).

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc anh Nguyễn Đình T1 phải nộp 3.875.274 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Trọng Q vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho anh Vũ Văn T. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Q là phù hợp với khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu kiện đòi tài sản của anh Lê Trọng Q yêu cầu anh Nguyễn Đình T1 phải trả cho anh Q số tiền 127.505.485 đồng nhưng trừ số tiền anh T1 đã trả là 50.000.000 đồng. Nay yêu cầu anh T1 còn phải trả cho anh Q số tiền còn lại là 77.505.485 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Đình T1 công nhận tại biên bản xác nhận đề ngày 09/10/2023 do anh ký tên tại Công ty L là đúng như anh Q trình bày. Anh T1 có công nhận anh có thực hiện công việc chạy quảng cáo/marketing cho anh Q và có nhận của anh Q tổng số tiền là 518.837.734 đồng và đã thực hiện công việc chạy

quảng cáo/marketing mà anh Q đưa và đã chi tiêu số tiền thực tế là 391.332.249 đồng. Số tiền còn lại là 127.505.485 đồng do anh chi tiêu cá nhân. Anh T1 hứa sẽ có trách nhiệm trả cho anh Q số tiền 127.505.485 đồng trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 09/10/2023. Do đó, việc anh T1 còn nợ anh Q số tiền 127.505.485 đồng là sự việc có thật và được hai bên chứng minh bằng các tài liệu anh Q đã nộp cho Tòa án làm căn cứ là biên bản xác nhận đề ngày 09/10/2023 do anh T1 ký tên và anh T1 cũng đã xác nhận đúng chữ ký của mình trong biên bản xác nhận đề ngày 09/10/2023 (bản chính có xác nhận của Công ty L).

Tại buổi hòa giải ngày 22/11/2024 giữa anh T là người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Trọng Q và anh T1 đã đưa ra phương án thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án và thống nhất anh T1 nhất trí trả cho anh Q số tiền 50.000.000 đồng, trả trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày 22/11/2024. Sau khi hòa giải anh T1 đã chuyển khoản trả anh Q số tiền 50.000.000 đồng nhưng chuyển khoản chậm so với thỏa thuận tại buổi hòa giải. Anh Q đã thay đổi thỏa thuận và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu là yêu cầu anh T1 phải trả cho anh Q số tiền 127.505.485 đồng và bồi thường số tiền thiệt hại là lãi suất đối với số tiền 127.505.485 đồng. Tuy nhiên, tại đơn đề nghị ngày 15/01/2025 và ngày 25/02/2025 anh T đại diện của Q yêu cầu anh T1 phải trả cho anh Q số tiền 127.505.485 đồng, trừ số tiền gốc anh T1 đã trả là 50.000.000 đồng, nay yêu cầu anh T1 phải trả số tiền còn lại là 77.505.485 đồng. Không yêu cầu anh T1 phải bồi thường số tiền thiệt hại là lãi suất đối với số tiền 127.505.485 đồng trong thời gian anh T1 chiếm giữ. Phía anh T1 không nhất trí, lý do anh T1 chưa trả số tiền còn lại 77.505.485 đồng cho anh Q, theo anh T1 cho rằng anh có thực hiện một số công việc cho công ty nhưng anh chưa tìm ra dữ liệu do anh đã bị công ty cho anh thoát ra khỏi nhóm dữ liệu của công ty nên anh không vào được để tìm ra những công việc mà anh đã làm và chi tiêu số tiền trên. Anh T1 khẳng định đã trả số tiền 50.000.000 đồng cho anh Q, số tiền còn lại 77.505.485 đồng anh yêu cầu anh Q cho anh vào lại dữ liệu của công ty để anh tìm ra số liệu và bằng chứng anh đã trả đủ số tiền 77.505.485 đồng cho anh Q. Tuy nhiên, lời khai trên của anh T1 chỉ trình bày miệng, anh T1 không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình.

Từ những căn cứ phân tích nêu trên, đã có đủ cơ sở khẳng định việc anh Nguyễn Đình T1 có nợ anh Lê Trọng Q số tiền 127.505.485 đồng, đã trả được 50.000.000 đồng, số tiền còn lại là 77.505.485 đồng nợ gốc chưa trả là sự việc có thật, như vậy yêu cầu của anh Q là có căn cứ chấp nhận.

Vì vậy, cần buộc anh Nguyễn Đình T1 phải trả cho anh Lê Trọng Q số tiền còn lại 77.505.485 đồng là phù hợp với các Điều 166; 466; 470 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] *Về lãi suất*: Anh Q không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 77.505.485 đồng nợ gốc còn lại chưa trả nên về lãi suất Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn anh Nguyễn Đình T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 166; 466; 470 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Trọng Q kiện đòi tài sản đối với anh Nguyễn Đình T1 là hợp pháp.

2. Buộc anh Nguyễn Đình T1 phải trả có nghĩa vụ trả cho anh Lê Trọng Q số tiền 77.505.485 đồng (bảy mươi bảy triệu, năm trăm linh năm nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc anh Nguyễn Đình T1 phải nộp 3.875.274 đồng (ba triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn, hai trăm bảy tư đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Quyền kháng cáo: Anh T2, anh T1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sù;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Nam Tiến;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thúy Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Xuân Tiến Nguyễn Thị Yến

Phạm Thúy Nga

